

Tuần Giáo, ngày 22 tháng 11 năm 2017.

Số: 01/2017/QĐST-DSTC

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 147, Điều 157, Điều 158, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 14 tháng 11 năm 2017 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 03/2017/TLST-DSTC ngày 17 tháng 10 năm 2017.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

1.1. Nguyên đơn: Bà Quàng Thị N; sinh năm: 1957; địa chỉ: Bản B, xã C, huyện T, tỉnh Điện Biên.

1.2. Bị đơn: Anh Bạc Cầm D; sinh năm: 1985; địa chỉ: Bản B, xã C, huyện T, tỉnh Điện Biên.

1.3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1.3.1. Anh Bạc Cầm T; sinh năm: 1991; địa chỉ: Bản B, xã C, huyện T, tỉnh Điện Biên.

1.3.2. Chị Bạc Thị Ng; sinh năm 1989; địa chỉ: Bản B, xã C, huyện T, tỉnh Điện Biên.

1.3.3. Chị Bạc Thị D; sinh năm 1984; địa chỉ: Bản B, xã C, huyện T, tỉnh Điện Biên.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Chia di sản thừa kế như sau:

2.1.1. Chia cho bà Quàng Thị N:

- Diện tích đất ở và đất vườn liền kề: Chiều rộng theo mặt đường Quốc lộ 279 là

9,6 mét; chiều sâu 01 cạnh là 20,2 mét và 01 cạnh là 20,8 mét; trên đất có 01 nhà sàn cột gỗ, 03 gian, lợp tôn, thung ván gỗ, sàn lát ván có tổng diện: 91,2 m². Cụ thể: đất ở, đất vườn liền kề được chia theo Sơ đồ diện tích đất ở + đất vườn liền kề kèm theo của Biên bản về việc xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 14/11/2017.

- Ruộng đang canh tác ở Nhà B 400 m², ruộng ở Nhà Khương 400 m².

2.1.2. Chia cho anh Bạc Cầm D gồm:

- Đất ở + đất vườn phần diện tích đất có nhà tắm: Chiều rộng theo mặt đường Quốc lộ 279 là 08 mét; chiều sâu 01 cạnh 08 mét và 01 cạnh 20,8 mét (đối với cạnh này được kéo thẳng lên hết phần đất nương nhà bà N). Cụ thể: đất ở, đất vườn liền kề được chia theo Sơ đồ diện tích đất ở + đất vườn liền kề kèm theo của Biên bản về việc xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 14/11/2017.

- Đất ruộng đang canh tác 02 thửa tại Nhà Kh với diện tích thửa 1 là 140 m², thửa 2 là 220 m².

2.2. Về chi phí tố tụng: Bà Quàng Thị N tự nguyện nộp toàn bộ chi phí tố tụng là 2.000.000 (hai triệu đồng). Bà N đã nộp đủ chi phí tố tụng.

2.3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Các bên đương sự là người dân tộc thiểu số sống ở xã có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, nên được miễn nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày 22 tháng 11 năm 2017. Các đương sự không được quyền kháng cáo.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Tuần Giáo;
- Chi cục THADS huyện Tuần Giáo;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUẦN GIÁO
THẨM PHÁN
(đã ký)

Nguyễn Việt Hương